

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 179CBTT-CN&MTĐT
V/v Công bố thông tin Báo cáo Tài chính
hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp**
Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: (0277) 3853332 Fax: (0277) 3852825
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Hoàng Quốc Hưng
Địa chỉ: Số 65 đường Hòa Đông, phường Hòa Thuận, tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0918630223
Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty: www.dowasen.com, tại chuyên mục Quan hệ cổ đông.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2018 đã được Kiểm toán.

TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
Người thực hiện công bố thông tin



Hoàng Quốc Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



Thành phố Cao Lãnh, tháng 04 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, từ trang 07 đến trang 48 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Đình Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đê	Thành viên
Ông Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban
Bà Phạm Thị Kim Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 06/06/2018

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đê	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Chí Thức.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Đê.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:


- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Văn Đê
Tổng Giám đốc

Tp. Cao Lãnh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (“Công ty”) và Công ty con (sau đây gọi tắt chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 09 tháng 04 năm 2019, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2018, Công ty đang theo dõi công nợ phải trả Nhà nước liên quan đến các công trình xây dựng từ nguồn vốn đối ứng và vốn ODA là 472.794.526.051 đồng trên chỉ tiêu Phải trả ngắn hạn khác (mã số 319). Bản chất khoản công nợ phải trả này theo dõi nguồn vốn ODA và nguồn vốn đối ứng Ngân sách Nhà nước để xây dựng các công trình cấp thoát nước và xử lý rác thải mà sau khi hoàn thành sẽ bàn giao lại cho các cơ quan Nhà nước tiếp quản. Tuy nhiên, khoản công nợ này không thể xác nhận được do đây là số dư lũy kế từ nhiều năm trước và Công ty không theo dõi riêng biệt gốc ngoại tệ và VND cho các lần nhận vốn tài trợ. Do đó, Kiểm toán viên không có cơ sở để đánh giá khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 1.7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là năm đầu tiên hợp nhất Báo cáo tài chính, ngoài ra Công ty mẹ chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp từ ngày 26/04/2017, vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 01/01/2018.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến mục 31.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Tại ngày 31/12/2018, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 15.818.051.680 đồng. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ngày 28/12/2018, UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 646/UBND-KTTH về việc xử lý tài sản thuộc dự án liên doanh với WFH tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp, theo đó UBND tỉnh Đồng Tháp giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh Đồng Tháp các thủ tục “Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với toàn bộ tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Nước Đông Bình (bao gồm giá trị phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp là 02 tỷ đồng) theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ”, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất các thủ tục nêu trên chưa được thực hiện.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Ngày 27/03/2018, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (Công ty Mẹ) đã tăng quyền biểu quyết và quyền sở hữu tại Công ty TNHH Nước Đồng Tháp từ tỷ lệ 11,51% lên tỷ lệ 100%. Ngày 29/03/2018, Công ty TNHH Nước Đồng Tháp đã hoàn thành thủ tục pháp lý đổi tên thành Công ty TNHH Nước Đồng Bình (Công ty Con). Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là năm đầu tiên hợp nhất Báo cáo tài chính vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Vấn đề cần nhấn mạnh và vấn đề khác không làm ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Lê Đức Hạnh
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3340-2017-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Tuấn Vinh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 2067-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.573.707.053	120.923.827.792
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	40.258.517.784	60.631.276.375
Tiền	111		35.758.517.784	60.631.276.375
Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.010.119.392	26.194.131.415
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20.354.302.377	18.393.884.055
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		458.890.100	1.383.340.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.523.995.364	7.157.795.657
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.328.822.242)	(746.060.954)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.753.793	5.172.157
Hàng tồn kho	140	9	31.120.253.373	33.260.867.134
Hàng tồn kho	141		31.120.253.373	33.260.867.134
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.184.816.504	837.552.868
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	12.126.934	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		707.825.640	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	1.464.863.930	837.552.868
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		927.026.427.818	762.901.932.374
Tài sản cố định	220		429.915.984.992	411.221.094.805
Tài sản cố định hữu hình	221	10	429.466.118.334	409.637.197.850
- Nguyên giá	222		676.793.847.148	591.808.325.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(247.327.728.814)	(182.171.127.891)
Tài sản cố định vô hình	227	11	449.866.658	1.583.896.955
- Nguyên giá	228		1.225.065.136	2.657.748.213
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(775.198.478)	(1.073.851.258)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	485.069.255.784	339.553.603.932
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		485.069.255.784	339.553.603.932
Đầu tư tài chính dài hạn	250		84.040.000	2.084.040.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		84.040.000	2.084.040.000
Tài sản dài hạn khác	260		11.957.147.042	10.043.193.637
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	11.953.373.337	10.043.193.637
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.773.705	-
TỔNG TÀI SẢN	270		1.025.600.134.871	883.825.760.166

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		722.229.223.865	515.723.024.376
Nợ ngắn hạn	310		587.186.284.784	360.034.008.853
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	13.430.463.871	78.481.748.864
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.965.789.151	2.053.630.768
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.595.826.786	3.506.771.520
Phải trả người lao động	314		22.893.709.448	29.799.645.660
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.805.531.921	3.224.686.086
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	503.980.563.081	209.622.125.290
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	32.886.205.000	29.977.128.288
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.628.195.526	3.368.272.377
Nợ dài hạn	330		135.042.939.081	155.689.015.523
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	134.449.756.487	151.921.314.237
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		593.182.594	3.767.701.286
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		303.370.911.006	368.102.735.790
Vốn chủ sở hữu	410	17	303.287.421.582	367.993.516.513
Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.181.300.000	355.575.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.181.300.000	355.575.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.718.846.275	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.387.275.307	12.418.016.513
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		39.387.275.307	12.418.016.513
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	18	83.489.424	109.219.277
Nguồn kinh phí	431		83.489.424	109.219.277
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.025.600.134.871	883.825.760.166

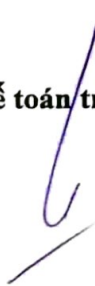
Tp.Cao Lãnh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu



Hoàng Quốc Hưng

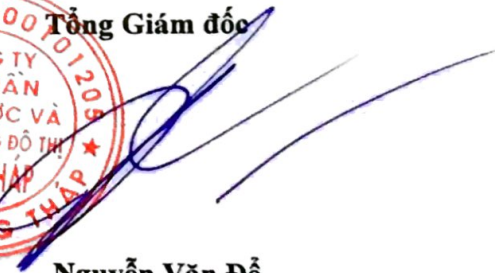
Kế toán trưởng



Phạm Chí Thức



Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	286.947.768.919
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		286.947.768.919
Giá vốn hàng bán	11	20	190.314.986.663
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.632.782.256
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	454.961.670
Chi phí tài chính	22	22	5.014.635.822
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.014.633.825</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-
Chi phí bán hàng	25	23	40.042.165.207
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	28.257.880.172
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.773.062.725
Thu nhập khác	31	24	18.167.791.214
Chi phí khác	32	25	125.167.391
Lợi nhuận khác	40		18.042.623.823
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.815.686.548
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.432.184.946
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(3.773.705)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.387.275.307
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		39.387.275.307
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	725
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	459

TP.Cao Lãnh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Hoàng Quốc Hưng

Kế toán trưởng

Phạm Chí Thức



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01		41.815.686.548
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		33.985.810.459
Các khoản dự phòng	03		582.758.878
Lãi hoạt động đầu tư	05		(454.961.670)
Chi phí lãi vay	06		5.014.633.825
Các điều chỉnh khác	07		-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		80.943.928.040
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.669.741.236
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.477.822.565
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		203.699.805.175
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(572.337.092)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.226.299.267)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.110.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(141.778.942.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		139.103.718.101
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(134.863.885.527)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.500.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		139.097.873
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(139.224.787.654)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33		15.890.819.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(30.453.300.038)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.689.208.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.251.689.038)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(20.372.758.591)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	60.631.276.375
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	40.258.517.784

Tp.Cao Lãnh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Hoàng Quốc Hưng

Kế toán trưởng

Phạm Chí Thức

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đễ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch, thu gom rác thải và các dịch vụ môi trường, tư vấn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Dịch vụ mai táng, xây mộ, chăm sóc mộ, trồng hoa kiểng;
- Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu đường, thoát nước via hè, công viên cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghệ thủy lợi;
- Tư vấn xây dựng;
- Khảo sát địa chất công trình;
- Khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật;
- Giám sát công trình dân dụng công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ hút hầm cầu, vận chuyển phế liệu xây dựng, vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng;
- Chăm sóc cây kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Vườn ươm cây;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, đóng bình;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có chu kỳ quay vòng thường xuyên và liên tục trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý rác thải. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, đơn giá thu gom rác thải, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.6 CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng số công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất : 01
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất : 0

Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018:

- Tên Công ty: Công ty TNHH Nước Đông Bình
- Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
- Địa chỉ: Số 210, Tổ 7, Cà Tắc, Ấp Đông Bình, Xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
- Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100% (*).

(*) Ngày 27/3/2018, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Nước Đông Bình từ 11,51% lên 100%. Kể từ ngày này, Công ty chính thức nắm quyền kiểm soát tại Công ty TNHH Nước Đông Bình. Công ty đang hợp nhất theo giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày 01/4/2018 (ngày hợp nhất) là 20.026.178.403 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Theo NQ 02 của ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018
Chi nhánh Cấp nước số 1	Số 207b, Trần Hưng Đạo, phường 1, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp	Đổi tên thành Chi nhánh cấp nước Nam Sông Tiền
Chi nhánh Cấp nước số 2	Số 01, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	Đổi tên thành Chi nhánh cấp nước Đông Bắc Sông Tiền
Chi nhánh Cấp nước số 3	Khóm Tân Đông A, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	Châm dứt hoạt động chi nhánh 03
Chi nhánh Cấp nước số 4	Quốc lộ 30, phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp	Đổi tên thành Chi nhánh cấp nước Tây Bắc Sông Tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Theo NQ 02 của ĐHCĐ ngày 05/06/2018
Chi nhánh Cấp nước số 5	Quốc lộ 80, Thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	Chấm dứt hoạt động chi nhánh 05
Chi nhánh Cấp nước số 6	Đường Hùng Vương, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	Chấm dứt hoạt động chi nhánh 06
Chi nhánh Xây dựng và Vật tư	Số 01, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	
Chi nhánh Dịch vụ Môi Trường	Số 15/4, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	
Chi nhánh Tư vấn Xây dựng và Cấp nước	Số 01, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	
Chi nhánh Nước Đóng chai DOWASEN	Số 01, Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là năm đầu tiên hợp nhất Báo cáo tài chính, ngoài ra Công ty mẹ chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp từ ngày 26/04/2017, vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 01/01/2018.

2 KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

3.3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Công ty sở hữu 100% quyền biểu quyết tại Công ty con - Công ty TNHH Nước Đông Bình kể từ ngày 27/03/2018. Công ty xác định không có giao dịch đáng kể từ ngày 27/03/2018 đến ngày 31/03/2018 nên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty con cho giai đoạn từ ngày 01/04/2018 đến ngày 31/12/2018.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.4 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	03 – 20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các công cụ dụng cụ và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí sửa chữa máy móc thiết bị được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua rẻ) được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.9 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH, GIÁ VỐN

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.11 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được hưởng một số ưu đãi thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 19 và Khoản 2, Điều 20 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính và được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động theo Công văn 2506/CT-TTHT ngày 26/10/2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.

- Đối với doanh thu, thu nhập từ quá trình khai thác, xử lý và cung cấp nước của Công ty TNHH Nước Đông Bình được hưởng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động và Công ty được miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong năm năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

- Đối với khoản thu nhập thuộc lĩnh vực kinh doanh thông thường, lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác được áp dụng với mức thuế suất thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai, hoạt động xây lắp, bán vật tư, dịch vụ thu gom vận chuyển rác và các dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Công ty không trình bày thuyết minh này trên Báo cáo tài chính hợp nhất vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 28 về “Báo cáo Bộ phận” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn “Áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”.

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Công cụ tài chính phức hợp

Trong năm 2018, Công ty không phát sinh cũng như không có số dư cần được trình bày và công bố theo yêu cầu của công cụ tài chính phức hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó bên liên quan của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.662.201.493	932.384.620
Tiền gửi ngân hàng	34.096.316.291	59.698.891.755
Các khoản tương đương tiền (*)	4.500.000.000	-
Cộng	40.258.517.784	60.631.276.375

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tỉnh Đồng Tháp và Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Tháp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20.354.302.377	18.393.884.055
- Phải thu nước sinh hoạt	5.034.911.059	5.901.109.265
- BQL công trình nâng cấp hệ thống thoát nước khu vực chợ cá Cao Lãnh	682.722.000	-
- Ban Quản Lý Công Trình Công Cộng Huyện Cao Lãnh	755.322.000	-
- Ban Quản Lý Chợ Thành Phố Cao Lãnh	2.114.552.000	1.057.276.000
- Ban Quản Lý Công Trình Công Cộng Thành Phố Cao Lãnh	3.547.240.000	3.379.341.000
- Ban Quản Lý Công Trình Đô Thị Thành Phố Sa	2.595.099.675	1.521.046.900
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.624.455.643	6.535.110.890
b) Phải thu dài hạn của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

7. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	5.523.995.364	7.157.795.657
Tạm ứng	3.811.179.688	5.549.618.062
Ký cược, ký quỹ	108.247.254	15.589.000
Phải thu thuế TNCN	1.384.685.736	536.528.125
Phải thu lãi dự thu	11.090.411	-
Bảo hiểm thất nghiệp	201.915.758	-
UBND tỉnh bổ sung vốn điều lệ (*)	-	207.758.799
Ban QLDA - Chi phí quản lý Dự án	-	834.552.688
Phải thu khác	6.876.517	13.748.983
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5.523.995.364	7.157.795.657

(*) Đây là khoản chênh lệch thiếu giá trị phần vốn góp Nhà nước sau khi quyết toán cổ phần hóa so giá trị phần vốn góp đó tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo Công văn số 1445/STC-TCND ngày 09/06/2018 của Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	12.126.934	-
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12.126.934	-
b) Dài hạn	11.953.373.337	10.043.193.637
- Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	6.954.080.471	7.014.839.435
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.138.108.488	1.842.730.638
- Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước	175.035.645	201.223.744
- Chi phí thuê quyền sử dụng đất	2.392.321.492	515.874.526
- Chi phí thi công sơn nước, sơn dầu nhà hệ điều hành, cụm xử lý và trạm bơm cấp 2	103.613.137	-
- Chi phí gia cố cầu phao chống sạt lở	50.911.108	-
- Chi phí thi công đường ống D400 và thi công công nghệ nước thô Nhà máy nước Đồng Bình	416.464.762	-
- Chi phí khác	722.838.234	468.525.294
Cộng	11.965.500.271	10.043.193.637

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.780.860.878	-	22.813.956.697	-
Công cụ, dụng cụ	1.188.659.897	-	339.633.739	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.930.189.684	-	10.047.446.856	-
Thành phẩm	169.762.003	-	59.829.842	-
Hàng hóa	50.780.911	-	-	-
Cộng	31.120.253.373	-	33.260.867.134	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dung cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2018	303.672.545.442	46.658.499.662	240.841.266.369	636.014.268	591.808.325.741
- Tăng do hợp nhất với Công ty	4.631.987.435	25.753.682.580	265.574.790	-	30.651.244.805
- Tăng do mua mới	1.650.313.685	1.276.279.478	679.521.091	190.892.727	3.797.006.981
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	19.371.144.765	735.537.479	20.580.527.803	-	40.687.210.047
- Tăng do điều chuyển	3.122.911.564	30.000.000	6.793.731.950	291.000.000	10.237.643.514
- Tăng do điều chỉnh (*)	1.309.253.842	-	-	-	1.309.253.842
- Giảm do điều chuyển	(276.000.000)	-	-	-	(276.000.000)
- Giảm do điều chỉnh (*)	(1.382.317.782)	-	-	(38.520.000)	(1.420.837.782)
Tại 31/12/2018	332.099.838.951	74.453.999.199	269.160.622.003	1.079.386.995	676.793.847.148

HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2018	(60.710.067.413)	(19.334.489.593)	(101.703.659.963)	(422.910.922)	(182.171.127.891)
- Tăng do hợp nhất với Công ty con	(268.129.775)	(12.946.919.099)	(265.574.790)	-	(13.480.623.664)
- Khấu hao trong năm	(27.665.493.500)	(5.273.225.588)	(18.504.991.790)	(232.266.381)	(51.675.977.259)
Tại 31/12/2018	(88.643.690.688)	(37.554.634.280)	(120.474.226.543)	(655.177.303)	(247.327.728.814)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2018	242.962.478.029	27.324.010.069	139.137.606.406	213.103.346	409.637.197.850
Tại 31/12/2018	243.456.148.263	36.899.364.919	148.686.395.460	424.209.692	429.466.118.334

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là: 8.287.202.165 đồng.

(*) Điều chỉnh TSCĐ theo Quyết định 792/QĐ-TTr ngày 05/09/2018 của Thanh Tra tỉnh Đồng Tháp

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền	Phần mềm	TSCĐ	Cộng
	sử dụng đất	máy vi tính	vô hình khác	
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2018	1.480.959.350	312.088.000	864.700.863	2.657.748.213
- Tăng do hợp nhất với Công ty con	-	149.033.500	-	149.033.500
- Tài sản điều chuyển	400.000.000	-	-	400.000.000
- Giảm do phân loại lại	(1.480.959.350)	-	(500.757.227)	(1.981.716.577)
Tại 31/12/2018	400.000.000	461.121.500	363.943.636	1.225.065.136
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại 01/01/2018	(94.075.649)	(312.088.000)	(667.687.609)	(1.073.851.258)
- Tăng do hợp nhất với Công ty con	-	(85.966.839)	-	(85.966.839)
- Giảm do phân loại lại	102.082.157	-	313.759.113	415.841.270
- Khấu hao trong năm	(8.006.508)	(13.200.003)	(10.015.140)	(31.221.651)
Tại 31/12/2018	-	(411.254.842)	(363.943.636)	(775.198.478)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2018	1.386.883.701	-	197.013.254	1.583.896.955
Tại 31/12/2018	400.000.000	49.866.658	-	449.866.658

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là: 737.065.136 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	485.069.255.784	485.069.255.784	339.553.603.932	339.553.603.932
- Dự án Thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh (*)	450.785.659.878	450.785.659.878	292.437.193.973	292.437.193.973
- Hệ thống cấp nước xã Thường Thới tiền - Công suất 3000m ³ /ngày đêm (*)	22.344.123.908	22.344.123.908	21.558.033.545	21.558.033.545
- Xây dựng TCN ngầm áp Phú Long. HM: Giếng khoan khai thác 70m ³ /h và trạm lắp giếng hiện hữu, KDC Phú Long, Sa Đéc (*)	-	-	1.994.242.545	1.994.242.545
- Đường nội bộ vào nhà máy XLR thái Công nghiệp và nguy hại. HM: Nền, mặt đường, điện, chiếu sáng.ĐĐ: xã Mỹ Thọ, HCL.ĐT (*)	1.757.471.000	1.757.471.000	71.818.000	71.818.000
- Các công trình khác	10.182.000.998	10.182.000.998	23.492.315.869	23.492.315.869
Cộng	485.069.255.784	485.069.255.784	339.553.603.932	339.553.603.932

(*) Các công trình trên được xây dựng trên hai nguồn vốn bao gồm nguồn vốn Ngân sách nhà nước và nguồn vốn ODA của Ngân hàng Tái Thiết Đức (KFW). Sau khi các công trình hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện bàn giao lại tài sản cho đơn vị tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	13.430.463.871	13.430.463.871	78.481.748.864	78.481.748.864
- Liên danh GECPL - SFC Việt Nam (*)	2.802.611.000	2.802.611.000	67.300.795.724	67.300.795.724
- Liên Đoàn Quy Hoạch & Điều Tra Tài Nguyên Nước Miền Nam	-	-	2.496.077.000	2.496.077.000
- Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Minh Nghi	1.158.719.953	1.158.719.953	6.012.820	6.012.820
- Công ty Cổ phần Nước Lành	922.753.000	922.753.000	-	-
- Công ty Cổ phần SAMECO	830.641.900	830.641.900	-	-
- Các khoản phải trả người bán khác	7.715.738.018	7.715.738.018	8.678.863.320	8.678.863.320
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

(*) Đây là nhà thầu chính thực hiện xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Cao Lãnh được nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và ODA tài trợ toàn bộ. Sau khi công trình hoàn thành, Công ty sẽ chuyển giao lại Công trình cho UBND Tỉnh Đồng Tháp căn cứ theo Công văn số 1445/STC-TCĐN của Sở tài chính Tỉnh Đồng Tháp ngày 09/06/2018 về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2018		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Điều chỉnh giảm khác (*)		Tại 31/12/2018	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	3.506.771.520	38.183.541.416	36.034.486.150	60.000.000	5.595.826.786					
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.659.752.141	9.663.795.955	9.997.855.967	-	1.325.692.129					
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	360.061.931	2.432.184.946	2.163.463.256	-	628.783.621					
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.018.010.257	574.052.841	60.000.000	1.383.957.416					
- Thuế tài nguyên	412.579.175	9.726.059.003	9.783.624.577	-	355.013.601					
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.094.884	2.094.884	-	-					
- Các loại thuế khác	-	765.502.467	22.000.000	-	743.502.467					
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.074.378.273	13.575.893.904	13.491.394.625	-	1.158.877.552					
Cộng	3.506.771.520	38.183.541.416	36.034.486.150	60.000.000	5.595.826.786					

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	16.570.277	-	16.570.277
- Thuế thu nhập cá nhân	837.552.868	-	610.740.785	-	1.448.293.653
Cộng	837.552.868	-	610.740.785	-	1.464.863.930

(*) Đây là khoản điều chỉnh giảm thuế thu nhập cá nhân liên quan đến khoản thù lao của chuyên gia Hà Lan năm 2016 nhưng thực tế không phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	503.980.563.081	209.622.125.290
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	11.763.845.713
- Kinh phí công đoàn	45.441.322	8.743.300
- Bảo hiểm xã hội	244.826.358	-
- Bảo hiểm y tế	47.491.481	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	34.297.389.350
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.524.449.300	1.312.925.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	502.118.354.620	162.239.221.427
<i>Thuế thu nhập cá nhân nhân viên</i>	<i>574.833.331</i>	<i>-</i>
<i>Liên danh GECPL-SFC</i>	<i>497.098.000</i>	<i>-</i>
<i>Dịch vụ Tư vấn Giám sát FICHTNER</i>	<i>541.796.650</i>	<i>-</i>
<i>Phí nước thải</i>	<i>3.390.104.154</i>	<i>2.112.875.116</i>
<i>Chi phí đồng phục</i>	<i>2.151.942.000</i>	<i>2.556.042.000</i>
<i>Ban QLDA Nâng cấp Đô thị TP.Cao Lãnh (*)</i>	<i>13.352.000.000</i>	<i>13.352.000.000</i>
<i>Ban QLDA Công ty - Chi phí thẩm tra, giám sát, phê duyệt quyết toán</i>	<i>954.559.000</i>	<i>537.318.326</i>
<i>Dự án thoát nước TP.Cao Lãnh (**)</i>	<i>445.437.066.204</i>	<i>119.894.175.972</i>
<i>Dự án Hệ thống cấp nước Thường Thới Tiền (**)</i>	<i>10.818.544.000</i>	<i>10.833.823.000</i>
<i>Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (**)</i>	<i>6.356.564.656</i>	<i>6.356.564.656</i>
<i>Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (**)</i>	<i>3.858.024.691</i>	<i>3.858.024.691</i>
<i>Dự án đường nội bộ vào Nhà máy xử lý rác, Đập Đá HCL (**)</i>	<i>1.491.100.000</i>	<i>783.210.000</i>
<i>Hệ thống cấp nước xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò (Sở Tài Chính)</i>	<i>5.875.494.000</i>	<i>-</i>
<i>Hệ Thống CN Thường Thới Tiền 3000m3/ngày đêm (**)</i>	<i>4.833.226.500</i>	<i>38.137.000</i>
<i>Bệnh viện Đa Khoa Đồng Tháp (*)</i>	<i>1.002.692.350</i>	<i>1.002.692.350</i>
<i>Phòng Tài Chính Kế Hoạch TP.Cao Lãnh</i>	<i>483.030.000</i>	<i>483.030.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>500.279.084</i>	<i>431.328.316</i>
b) Dài hạn	-	-
Cộng	503.980.563.081	209.622.125.290

(*) Đây là khoản Công ty mượn 09 xe ép rác và 1 ô tô chở rác với tổng giá trị 14.354.692.350 đồng, Công ty đang theo dõi các tài sản mượn này trên danh mục tài sản cố định của Công ty.

(**) Đây là khoản phải trả liên quan đến các Công trình xây dựng bằng vốn ODA và nguồn vốn Đối ứng ngân sách Nhà nước. Sau khi các công trình trên hoàn thành, Công ty sẽ bàn giao cho cơ quan tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào Công văn số 1445/STC-TCDN của Sở tài chính Tỉnh Đồng Tháp ngày 09/06/2018 về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2018		Trong năm		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
Vay ngắn hạn	32.886.205.000	32.886.205.000	26.870.376.750	23.961.300.038	29.977.128.288	29.977.128.288
Ngân Hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Tháp	-	-	-	6.888.516.470	6.888.516.470	6.888.516.470
Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam (*)	12.984.000.000	12.984.000.000	6.492.000.000	6.492.000.000	12.984.000.000	12.984.000.000
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đồng Tháp (**)	19.902.205.000	19.902.205.000	20.378.376.750	10.580.783.568	10.104.611.818	10.104.611.818
Vay dài hạn	134.449.756.487	134.449.756.487	15.627.493.000	33.099.050.750	151.921.314.237	151.921.314.237
Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam (*)	79.169.415.487	79.169.415.487	-	12.984.000.000	92.153.415.487	92.153.415.487
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đồng Tháp (**)	55.280.341.000	55.280.341.000	15.627.493.000	20.115.050.750	59.767.898.750	59.767.898.750
Cộng	167.335.961.487	167.335.961.487	42.497.869.750	57.060.350.788	181.898.442.525	181.898.442.525

(*) 1. Khoản vay theo Dự án Hà Lan của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp An Giang

- Tổng mức vay: 47.799.451.487 đồng
- Mục đích vay: Xây dựng, cải tạo mở rộng hệ thống cấp nước Thị Xã Cao Lãnh
- Lãi suất: 3%/năm, thời hạn vay 12 năm
- Kỳ hạn trả nợ: 24 kỳ, Kỳ trả gốc đầu tiên: Kỳ 29/5/2009; Kỳ trả gốc cuối cùng: Kỳ 30/11/2020

2. Khoản vay theo hợp đồng vay vốn ODA số 01/2013/HDODA-NHPTVN ngày 09 tháng 04 năm 2013 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh khu vực Đồng Tháp - An Giang.

- Số tiền vay: 112.460.000.000 đồng
- Mục đích vay: Vốn vay được sử dụng để đầu tư tài sản cố định của Dự án hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, công suất 10.000 m³/ngày đêm - hạng mục xây dựng và thiết bị.
- Lãi suất: 0,3%/năm, thời hạn vay 15 năm kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn là 2,5 năm.
- Tài sản đảm bảo: toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là công trình dự án hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(**) Là tổng vốn vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây dựng và thiết bị, tài sản đảm bảo: Tín chấp

Và bao gồm chi tiết các khoản vay như sau:

Hợp đồng	Dự án	Tiền vay	Thời hạn	Lãi suất
- HĐ số 06/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 31/12/2013	Xây dựng trạm xử lý nước sông Nha Mân huyện Châu Thành	3.291.411.000	7 năm	6%/năm
- HĐ số 02/2014/HĐTD-ĐTPT ngày 28/03/2014	Dự án Trạm cấp nước tuyến dân cư thị xã Lai Vung	465.005.000	6 năm	6%/năm
- HĐ số 06/2014/HĐTD-ĐTPT ngày 26/12/2014	Dự án Trạm Cấp nước KCN xã Mỹ Hiệp	2.350.000.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 04/2014/HĐTD-ĐTPT ngày 27/06/2014	Dự án Hệ thống Cấp nước xã Thường Thới Tiền, Huyện Hồng Ngự 1.500m ³ /ngđ	3.507.272.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 06/2015/HĐTD-ĐTPT ngày 26/10/2014	Dự án Hệ thống Cấp nước xã Thường Thới Tiền huyện Hồng Ngự 3.000m ³ /ngđ	1.238.285.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 05/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 23/12/2013	Dự án Xây dựng Hệ thống Cấp nước, thị xã Hồng Ngự 10.000m ³ /ngđ	15.733.702.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 06/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 14/06/2017	Cầu Cái Sao Thượng đến Khu 500 căn	3.579.443.000	4 năm	6%/năm
- HĐ số 01/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 25/02/2018	Dự án Xây dựng Khoan 2 giếng tại KDC Phú Long, TP Sa Đéc và xã Phương Trà, GD 2 - công suất 2.400 m ³ /ngày đêm	2.487.568.000	4 năm	6%/năm
- HĐ số 07/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 06/07/2017	Dự án Tuyến ống Cấp nước truyền tải từ Nhà máy nước mặt Đồng Bình về TP. Cao Lãnh	17.746.316.000	6 năm	6%/năm
- HĐ số 08/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 17/7/2017	Dự án Công trình Nhà máy nước Đồng Bình - công suất 5.000 m ³ /ngày đêm	17.153.436.000	8 năm	6%/ năm
- HĐ số 04/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 29/5/2018	Dự án Công trình Nhà máy nước mặt Đồng Bình - công suất 5.000 m ³ /ngày đêm, đêm GD 2, tại xã Hòa An, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	4.545.570.000	6 năm	6%/năm
- HĐ số 03/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 28/5/2018	Dự án Công trình Nâng công suất Nhà máy nước mặt huyện Cao Lãnh, GD 2 - công suất 2.400 m ³ /ngày đêm	3.084.538.000	8 năm	6%/năm
- Hợp đồng vay Dự án Hà Lan	Dự án Hà Lan (Vay NHPT)	7.959.451.487	12 năm	3%/năm
- HĐ số 01/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 09/04/2013	Dự án Hệ thống Cấp nước, thị xã Hồng Ngự - công suất 10.000 m ³ /ngày đêm (Vay NHPT)	84.193.964.000	15 năm	0,3%/năm
TỔNG		167.335.961.487		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ (%)	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ (%)
UBND tỉnh Đồng Tháp	221.854.800.000	85,60	318.249.000.000	89,50
Ông Phan Đình Hùng	1.056.000.000	0,41	1.056.000.000	0,30
Ông Nguyễn Văn Đễ	577.000.000	0,22	577.000.000	0,16
Ông Nguyễn Thượng Vũ	526.000.000	0,20	526.000.000	0,15
Ông Nguyễn Anh Dũng	80.000.000	0,03	80.000.000	0,02
Ông Phạm Chí Thức	339.000.000	0,13	339.000.000	0,10
Cổ đông khác	34.748.500.000	13,41	34.748.500.000	9,77
Cộng	259.181.300.000	100,00	355.575.500.000	100,00

17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2018 VND	Từ 26/04/2017 đến 31/12/2017 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	355.575.500.000	355.575.500.000
+ Vốn góp đầu năm	355.575.500.000	355.575.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	96.394.200.000	-
+ Vốn góp cuối năm	259.181.300.000	355.575.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(5.689.208.000)	-

17.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2018 Cổ phiếu	Tại 01/01/2018 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.918.130	35.557.550
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.918.130	35.557.550
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.918.130	35.557.550
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.918.130	35.557.550
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.918.130	35.557.550
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.4 BẢNG ĐÓI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Lợi ích cổ	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	sau thuế	đồng không	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 26/04/2017	355.575.500.000	-	-	-	355.575.500.000
- Lãi trong kỳ trước	-	-	12.418.016.513	-	12.418.016.513
Tại 31/12/2017	355.575.500.000	-	12.418.016.513	-	367.993.516.513
Tại 01/01/2018	355.575.500.000	-	12.418.016.513	-	367.993.516.513
- Điều chỉnh giảm vốn Nhà nước (*)	(96.394.200.000)	-	-	-	(96.394.200.000)
- Lãi trong năm nay	-	-	39.387.275.307	-	39.387.275.307
- Phân phối lợi nhuận năm 2017 (**)	-	4.718.846.275	(12.418.016.513)	-	(7.699.170.238)
+ <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	4.718.846.275	(4.718.846.275)	-	-
+ <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	(1.707.562.238)	-	(1.707.562.238)
+ <i>Trích quỹ thưởng Ban điều hành</i>	-	-	(302.400.000)	-	(302.400.000)
+ <i>Chia cổ tức năm 2017</i>	-	-	(5.689.208.000)	-	(5.689.208.000)
Tại 31/12/2018	259.181.300.000	4.718.846.275	39.387.275.307	-	303.287.421.582

(*) Theo Công văn số 2429/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 05/03/2018 về việc bàn giao lại dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh cho chủ sở hữu là Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại thời điểm 01/01/2016 với số tiền 96.394.197.809 đồng, đồng thời làm cơ sở điều chỉnh tỷ lệ phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ tại Công ty. Ngày 09/06/2018, Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Công văn số 1445/STC-TCDN về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa và căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND-HC của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 09/07/2018 về việc công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa, Công ty đã điều chỉnh giảm vốn điều lệ với giá trị là 96.394.200.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang trình xây dựng quá trình xây dựng các tài sản trên và sẽ bàn giao cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp khi hoàn thành.

(**) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Từ 26/04/2017 đến 31/12/2017
Nguồn kinh phí đầu năm	109.219.277	147.327.556
Chi sự nghiệp	(25.729.853)	(38.108.279)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	83.489.424	109.219.277

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND
a. Doanh thu	286.947.768.919
Doanh thu bán hàng hóa	2.867.873.033
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	217.222.951.213
Doanh thu nước đóng chai	4.993.313.648
Doanh thu xây lắp	8.106.956.535
Doanh thu dịch vụ thu gom rác	48.923.727.870
Doanh thu dịch vụ khác	4.832.946.620
b. Doanh thu với các bên liên quan	-

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.307.765.447
Giá vốn cung cấp nước sinh hoạt	128.090.432.897
Giá vốn nước đóng chai	3.376.321.920
Giá vốn xây lắp	6.806.225.111
Giá vốn dịch vụ thu gom rác	45.689.451.587
Giá vốn dịch vụ khác	4.044.789.701
Cộng	190.314.986.663

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	130.194.311
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.407
Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý khoản đầu tư trước thời điểm nắm quyền kiểm soát	304.762.952
Cộng	454.961.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018
	VND
Chi phí lãi vay	5.014.633.825
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.997
Cộng	5.014.635.822

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018
	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	29.717.880.172
Chi phí nhân viên quản lý	14.706.762.064
Chi phí vật liệu quản lý	568.462.424
Chi phí đồ dùng văn phòng	547.670.568
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	644.653.644
Thuế và các khoản lệ phí	1.061.534.016
Chi phí dự phòng	2.733.368.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.556.132
Chi phí bằng tiền khác	8.612.872.537
b) Các khoản chi phí bán hàng	40.042.165.207
Chi phí nhân viên bán hàng	9.970.641.672
Chi phí vật liệu, bao bì	13.226.609.095
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	693.316.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.617.014.695
Chi phí hàng hoá, dịch vụ mua ngoài	1.246.287.827
Chi phí khác bằng tiền	288.295.488
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.460.000.000)
Hoàn nhập Quỹ Phát triển KHCN	(1.100.000.000)
Giảm chi phí thù lao và thuế TNCN của Chuyên gia Hà Lan năm 2016 thực tế không phát sinh	(360.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018
	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	70.000.000
Thu phạt vi phạm hợp đồng	12.090.000
Thu nhập từ kiểm kê thừa	136.859.435
Thu nhập từ khách hàng đóng góp chi phí lắp đặt đường ống	81.976.319
Lãi từ giao dịch mua rẻ Công ty con	17.721.388.451
Thu nhập khác	145.477.009
Cộng	18.167.791.214

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018
	VND
Nộp phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	76.129.866
Chi phí khác	49.037.525
Cộng	125.167.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018
	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.815.686.548
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	129.249.107
Chi phí bị phạt thuế, truy thu nợ thuế, vi phạm hành chính	39.789.270
Chi phí không được trừ khác	7.251.879
Lợi nhuận điều chỉnh giảm khi hợp nhất	82.207.958
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(18.157.718.754)
Lãi từ giao dịch mua rẻ Công ty con	(17.721.388.451)
Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý khoản đầu tư trước thời điểm nắm quyền kiểm soát	(304.762.952)
Giảm do chuyển lỗ từ năm trước của Công ty con	(111.567.351)
Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	23.787.216.901
	23.967.702.941
Thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và dịch vụ thu gom rác	
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	(180.486.040)
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	23.787.216.901
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%
Thuế suất hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.378.721.690
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	53.463.256
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.432.184.946

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018
	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.387.275.307
Điều chỉnh tăng	-
Điều chỉnh giảm	(20.594.911.205)
Lãi do mua rẻ Công ty con	(17.721.388.451)
Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý khoản đầu tư trước thời điểm nắm quyền kiểm soát	(304.762.952)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng ban điều hành (*)	(2.568.759.802)
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	25.918.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

(*) Theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 được tạm xác định bằng 12% lợi nhuận kế hoạch năm 2017 theo Nghị Quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 28/03/2017 là 1.100.000.000 đồng. Trong năm 2018, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 28/06/2018, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận 2017 là 1.707.562.238 đồng và quỹ thưởng Ban Điều hành là 302.400.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2017 tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 được tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 02/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 28/06/2018, với tỷ lệ trích là 12% trên lợi nhuận kinh doanh năm 2018, tương đương giá trị 2.568.759.802 đồng.

(**) Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh giảm vốn như được thuyết minh tại mục 17.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến 31/12/2017 đã được điều chỉnh hồi tố cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018
	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	39.387.275.307
Điều chỉnh tăng	-
Điều chỉnh giảm	(20.594.911.205)
Lãi do mua rẻ Công ty con	(17.721.388.451)
Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý khoản đầu tư trước thời điểm nắm quyền kiểm soát	(304.762.952)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(2.568.759.802)
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	25.918.130
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (***)	15.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	459

(*) Theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 được tạm xác định bằng 12% lợi nhuận kế hoạch năm 2017 theo Nghị Quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 28/03/2017 là 1.100.000.000 đồng. Trong năm 2018, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 28/06/2018, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận 2017 là 1.707.562.238 đồng và quỹ thưởng Ban Điều hành là 302.400.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2017 tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 được tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 02/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 28/06/2018, với tỷ lệ trích là 12% trên lợi nhuận kinh doanh năm 2018, tương đương giá trị 2.568.759.802 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(**) Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh giảm vốn như được thuyết minh tại mục 17.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến 31/12/2017 đã được điều chỉnh hồi tố cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

(***) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty sẽ thực hiện phát hành thêm 15.000.000 cổ phiếu, tương đương 150.000.000.000 đồng. Cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được nhận thêm 1 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua thêm 57,87 cổ phiếu phát hành thêm. Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành là 40.918.130 cổ phiếu, số vốn góp của chủ sở hữu tăng lên 409.181.300.000 đồng. Nguồn vốn tăng thêm để bổ sung vốn đầu tư các trạm cấp nước trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***29. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: hoạt động cung cấp nước sạch, bán nước đóng chai và vật tư, dịch vụ thu gom vận chuyển rác và các dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Tổng Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh. Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu.

Năm 2018	Cung cấp nước sinh hoạt		Dịch vụ thu gom rác		Bán nước đóng chai và vật tư		Xây lắp		Dịch vụ khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.222.951.213	48.923.727.870	7.861.186.681	8.106.956.535	4.832.946.620	286.947.768.919					
Giá vốn	(128.090.432.897)	(45.689.451.587)	(5.684.087.367)	(6.806.225.111)	(4.044.789.701)	(190.314.986.663)					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89.132.518.316	3.234.276.283	2.177.099.314	1.300.731.424	788.156.919	96.632.782.256					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(68.300.045.379)					
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	454.961.670					
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(5.014.635.822)					
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	18.167.791.214					
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(125.167.391)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(2.432.184.946)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	3.773.705					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	39.387.275.307					
Tổng tài sản						1.025.600.134.871					
Tổng nợ phải trả						722.229.223.865					

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Giai đoạn từ 26/04/2017 đến 31/12/2017	Cung cấp nước sinh hoạt		Dịch vụ thu gom rác		Bán nước đóng chai và vật tư		Xây lắp		Dịch vụ khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.922.294.259	31.555.139.138	4.960.654.784	4.378.797.608	180.478.040.559						
Giá vốn	(82.174.427.783)	(24.088.222.260)	(3.882.137.074)	(4.611.363.003)	(118.291.161.291)						
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	52.747.866.476	7.466.916.878	1.078.517.710	(232.565.395)	62.186.879.268						
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(45.545.602.323)						
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	90.788.109						
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(3.062.258.106)						
Thu nhập khác	-	-	-	-	331.883.713						
Chi phí khác	-	-	-	-	(206.116.758)						
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(1.377.557.390)						
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	12.418.016.513						
Tổng tài sản					883.825.760.166						
Tổng nợ phải trả					515.723.024.376						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.258.517.784	60.631.276.375
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.738.295.811	18.213.689.209
Tổng cộng	60.996.813.595	78.844.965.584
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	167.335.961.487	181.898.442.525
Phải trả người bán và phải trả khác	33.571.062.467	52.374.543.422
Chi phí phải trả	1.805.531.921	3.224.686.086
Tổng cộng	202.712.555.875	237.497.672.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2018.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty có thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2018				
Phải trả người bán và phải trả khác	33.571.062.467	-	-	33.571.062.467
Chi phí phải trả	1.805.531.921	-	-	1.805.531.921
Vay và nợ thuê tài chính	32.886.205.000	134.449.756.487	-	167.335.961.487
Cộng	68.262.799.388	134.449.756.487	-	202.712.555.875
Tại 01/01/2018				
Phải trả người bán và phải trả khác	52.374.543.422	-	-	52.374.543.422
Chi phí phải trả	3.224.686.086	-	-	3.224.686.086
Vay và nợ thuê tài chính	29.977.128.288	151.921.314.237	-	181.898.442.525
Cộng	85.576.357.796	151.921.314.237	-	237.497.672.033

Các khoản công nợ tài chính trên không bao gồm các khoản phải trả Nhà nước bằng các công trình hệ thống cấp, thoát nước và xử lý rác mà Công ty đang theo dõi được đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và nguồn vốn ODA.

Công ty quản lý rủi ro bằng các công cụ là tài sản tài chính hiện tại, cũng như dòng tiền hình thành trong tương lai. Với việc thực hiện kế hoạch kinh doanh như hiện tại Công ty có đủ cơ sở thực hiện kế hoạch tài chính đã đề ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.258.517.784	-	-	40.258.517.784
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.738.295.811	-	-	20.738.295.811
Cộng	60.996.813.595	-	-	60.996.813.595
Tại 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.631.276.375	-	-	60.631.276.375
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.213.689.209	-	-	18.213.689.209
Cộng	78.844.965.584	-	-	78.844.965.584

31. CÁC THÔNG TIN KHÁC

31.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê đất số 20/HĐTĐ ngày 24/06/2009 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 2.545 m² và đơn giá thuê đất là 2.438 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm). Tại ngày 11/09/2017, Công ty Cổ Phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận số CT06226 với tổng diện tích là 1.905,6 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT (TIẾP)

- Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTĐ ngày 30/05/2008 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 826,5 m² và đơn giá thuê đất là 308 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm).

- Hợp đồng thuê đất số 35 HĐTĐ ngày 25/12/2009 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 6.837,1 m² và đơn giá thuê đất là 539 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm).

Công ty được miễn tiền thuê đất hàng năm theo Điều 1, Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 sửa đổi, bổ sung Nghị Định 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Ngoài ra, Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

31.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2018, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 15.818.051.680 đồng. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

31.4 THÔNG TIN KHÁC

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018 đã thông qua việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty với tỷ lệ Nhà nước nắm giữ tại Công ty sau khi thực hiện thoái vốn là 51%. Thời gian thực hiện thoái vốn theo quyết định của Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Ngoài ra, theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty sẽ thực hiện phát hành thêm 15.000.000 cổ phiếu, tương đương 150.000.000.000 đồng. Cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được nhận thêm 1 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua thêm 57,87 cổ phiếu phát hành thêm. Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành là 40.918.130 cổ phiếu, số vốn góp của chủ sở hữu tăng lên 409.181.300.000 đồng. Nguồn vốn tăng thêm để bổ sung vốn đầu tư các trạm cấp nước trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31.4 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Hội đồng Quản trị được ủy quyền lựa chọn thời điểm phát hành nhưng phải hoàn thành trước thời điểm Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty về 51%.

32. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là năm đầu tiên hợp nhất Báo cáo tài chính, ngoài ra Công ty mẹ chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp từ ngày 26/04/2017, vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 01/01/2018.

Người lập biểu


Hoàng Quốc Hưng

Kế toán trưởng


Phạm Chí Thức

Tp.Cao Lãnh, ngày 09 tháng 04 năm 2019



Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Đê